TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **03**/2022/DS-ST Ngày: 16-02-2022 V/v: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Luyện Thanh Sơn**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Đinh Hữu Luynh**
2. Ông **Lê Đức Lam**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nga** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Bà **Phan Thị Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST- DS ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Vợ chồng ông **Hoàng Hải H**, sinh năm 1973;
Bà **Phạm Thị D**, sinh năm 1973;
Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông **Đỗ Ngọc Tr**, sinh năm 1978;
Bà **Đậu Thị S**, sinh năm 1976;
Địa chỉ: Thôn Ngh, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông H, bà D có mặt; ông Tr, bà S vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/11/2021, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 07/01/2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Hoàng Hải H, bà Phạm Thị D trình bày: Ông bà kinh doanh buôn bán phân bón,

thuốc bảo vệ thực vật tại xã K, huyện Đ và có bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho vợ chồng ông Đỗ Ngọc Tr, bà Đậu Thị S để đầu tư làm vườn theo hình thức là khi vợ chồng ông Tr có nhu cầu mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật thì ra cửa hàng của ông bà lấy hàng và ông bà ghi vào sổ theo dõi về loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và thời gian vợ chồng ông Tr lấy hàng, đồng thời ông bà cũng ghi và giao cho vợ chồng ông Tr giữ một cuốn sổ để theo dõi việc lấy phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Sau khi thu hoạch sản phẩm rau màu thì hai bên tính toán số tiền bên mua phải trả. Từ năm 2011, vợ chồng ông Tr đã nhiều lần mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, ông bà có theo dõi vào sổ nhưng đến ngày ngày 17/7/2012 thì theo dõi sang sổ mới, bỏ sổ cũ trước đó đi, mang số tiền còn nợ là 2.900.000đ sang sổ mới và tiếp tục theo dõi việc mua bán đến ngày 21/7/2015 còn nợ số tiền 43.843.000đ, ông Tr có ký ghi họ tên xác nhận số nợ này vào trong sổ theo dõi của ông bà. Từ ngày 14/8/2015 đến ngày 17/10/2015 vợ chồng ông Tr nhiều lần mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật với số tiền 9.175.000đ nên tổng số tiền còn nợ là 53.018.000đ. Tuy nhiên, sau ngày 17/10/2015, vợ chồng ông Tr không trả số tiền còn nợ và không tiếp tục mua hàng của ông bà nữa mặc dù ông bà đã nhiều lần liên lạc, yêu cầu vợ chồng ông Tr trả nợ nhưng không thực hiện.

Nay ông bà yêu cầu vợ chồng ông Tr, bà S phải trả 43.843.000đ tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật còn nợ. Ông bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 9.175.000đ, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 10/12/2021, bị đơn ông Đỗ Ngọc Tr trình bày: Vợ chồng ông có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của cửa hàng ông Hoàng Hải H, bà Phạm Thị D để đầu tư làm vườn. Mỗi lần mua bán ông H, bà D có theo dõi và ghi vào sổ của ông H, bà D đồng thời ghi vào cuốn sổ khác giao cho ông giữ, thỏa thuận hết lứa hàng sẽ thanh toán. Ông xác nhận chữ ký và chữ viết Đỗ Ngọc Tr trong bảng kê theo dõi ngày 21/7/2015 là do ông ký và viết ra. Tính đến ngày 21/7/2015 chốt nợ thì ông xác nhận còn nợ 43.843.000đ.

Nay ông H, bà D khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền 53.018.000đ thì ông không đồng ý mà ông yêu cầu xác định số tiền nợ theo cuốn sổ mà ông đang giữ do nguyên đơn viết cho vợ chồng ông.

Bị đơn ông Đỗ Ngọc Tr, bà Đậu Thị S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng không có mặt. Ngoài ra, nguyên đơn ông Hoàng Hải H, bà Phạm Thị D có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông H, bà D yêu cầu giải quyết buộc bị đơn ông Trg, bà S phải trả 43.843.000đ tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật còn nợ,

đồng thời rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc ông Tr, bà S phải trả số tiền 9.175.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Hải H, bà Phạm Thị D về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*" đối với bị đơn ông Đỗ Ngọc Tr, bà Đậu Thị S.

Buộc ông Đỗ Ngọc Tr, bà Đậu Thị S có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hoàng Hải H, bà Phạm Thị D số tiền 43.843.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn ông H, bà D khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Tr, bà S phải trả số tiền 43.843.000đ còn nợ xuất phát từ việc mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là "*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*". Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Thôn Ngh, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về việc vắng mặt của đương sự:*

Phiên tòa ngày 24 tháng 01 năm 2022, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về việc áp dụng pháp luật nội dung và nghĩa vụ giao nộp chứng cứ:

[2.1] *Về việc áp dụng pháp luật*: Từ năm 2011 đến năm 2015, ông H, bà D bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho ông Tr, bà S. Do ông Tr, bà S không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của mình nên các bên phát sinh tranh chấp. Thời điểm các bên

xác lập giao dịch mua bán tài sản từ năm 2011 đến năm 2015 nên cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết nội dung vụ án.

[2.2] *Về nghĩa vụ giao nộp chứng cứ*: Tại khoản 1 Điều 6 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: "*Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp*". Như vậy, việc cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp thì thuộc trách nhiệm của đương sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: *Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền 43.843.000đ còn nợ thì Hội đồng xét xử thấy rằng:*

Từ năm 2011 đến năm 2015 nguyên đơn, bị đơn có xác lập giao dịch mua bán hàng hóa, theo đó nguyên đơn bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho bị đơn để đầu tư làm vườn. Việc mua bán theo hình thức là khi bị đơn có nhu cầu mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật thì đến cửa hàng của nguyên đơn lấy hàng và nguyên đơn ghi vào sổ theo dõi về loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thời gian bị đơn lấy hàng, đồng thời nguyên đơn cũng ghi và giao cho bị đơn giữ một cuốn sổ để theo dõi việc lấy hàng của mình. Sau khi thu hoạch sản phẩm rau màu thì nguyên đơn, bị đơn tính toán số tiền bên mua phải trả, số tiền còn nợ. Tính đến ngày 17/10/2015, nguyên đơn cho rằng bị đơn còn nợ số tiền 53.018.000đ.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn xuất trình cho Tòa án bản chính các trang sổ theo dõi việc mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật *(bút lục từ 33 đến 40)*. Xem xét tài liệu do nguyên đơn cung cấp trong các trang sổ do nguyên đơn ghi theo dõi loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thời gian mà bị đơn lấy hàng thể hiện ngày 17/7 số nợ cũ còn là 2.900.000đ, ngày 17/11 còn nợ 43.205.000đ, ngày 09/4 còn nợ 43.438.000đ, ngày 21/7/2015 còn nợ 43.843.000đ, những thời điểm chốt nợ nêu trên đều có chữ ký của ông Tr, tại trang cuối thể hiện số tiền còn nợ là 53.018.000đ. Mặc dù, trong các trang sổ của nguyên đơn xuất trình chỉ thể hiện việc ghi ngày, tháng, không ghi năm; chỉ ghi ngày, tháng, năm cụ thể ở thời điểm các bên chốt nợ ngày 21/7/2015. Tuy nhiên, các trang sổ được ghi theo thứ tự lôgíc về thời gian, từng thời điểm chốt nợ có chữ ký của ông Tr và ngày chốt nợ cuối cùng là ngày 21/7/2015. Như vậy, lấy thời điểm các bên chốt nợ cuối cùng ở ngày 21/7/2015 trở về trước thì có căn cứ xác định các bên xác lập giao dịch mua bán với nhau từ năm 2011 đến năm 2015 như lời trình bày của nguyên đơn là có cơ sở.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/12/2021, bị đơn ông Tr thừa nhận chữ ký và chữ viết Đỗ Ngọc Tr trong bảng kê theo dõi ngày 21/7/2015 là do ông ký và viết ra *(bút lục 28)*. Tuy nhiên, ông Tr không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà cho rằng xác định số tiền nợ theo cuốn sổ mà ông đang giữ do nguyên đơn viết cho vợ chồng ông. Tòa án đã ban hành thông báo giao nộp chứng cứ yêu cầu bị đơn giao nộp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả 53.018.000đ tiền mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật còn nợ. Bị

đơn đã nhận được thông báo giao nộp chứng cứ nhưng chỉ xuất trình cho Tòa án 05 bản photo các trang sổ theo dõi việc mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, những trang sổ này cũng chỉ ghi ngày, tháng nhưng không ghi năm và thể hiện thời gian theo dõi từ ngày 15/01 đến ngày 25/7. Nguyên đơn xác nhận những trang sổ do bị đơn cung cấp đúng là chữ viết của nguyên đơn. Đối chiếu tài liệu do nguyên đơn, bị đơn xuất trình thấy rằng, tại trang cuối của tài liệu do bị đơn xuất trình thể hiện ngày 17/7 bị đơn mua 01 bao cá sấu xanh, 01 dây vàng; ngày 25/7 mua 01 bao cá sấu xanh, 04 gói hacuro 7.5, 01 hộp bokali trùng khớp với tài liệu do nguyên đơn xuất trình cũng thể hiện ngày 17/7 bị đơn mua 01 bao cá sấu xanh, 01 dây vàng; ngày 25/7 mua 01 bao cá sấu xanh, 04 gói hacuro 7.5, 01 hộp bokali. Như phân tích ở trên thì có căn cứ xác định các tài liệu do bị đơn cung cấp thể hiện việc bị đơn mua hàng của nguyên đơn từ ngày 25/7/2012 trở về trước; các trang sổ do nguyên đơn xuất trình được theo dõi việc mua bán giữa nguyên đơn và bị đơn từ ngày 25/7/2012 trở về sau này. Ngoài những tài liệu nêu trên thì bị đơn không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc đã trả số tiền 43.843.000đ mà các bên chốt nợ ngày 21/7/2015.

Như vậy, có căn cứ xác định đến ngày 21/7/2015, bị đơn còn nợ nguyên đơn 43.843.000đ, số tiền này được bị đơn ông Tr ký xác nhận trong sổ theo dõi của nguyên đơn. Việc bị đơn mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của nguyên đơn để đầu tư làm vườn, ông Tr, bà S là vợ chồng nên phải có trách nhiệm trả nợ chung. Đến nay bị đơn chưa trả số nợ này cho nguyên đơn mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền.

Trong đơn khởi kiện ngày 05/11/2021, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật còn nợ là 53.018.000đ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền 9.175.000đ. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút này.

Từ những phân tích, đánh giá, nhận định nêu trên, căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H, bà D, buộc bị đơn ông Tr, bà S có nghĩa vụ thanh toán cho ông H, bà D số tiền 43.843.000đ là phù hợp với quy định tại các Điều 428, 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu 2.192.150đ (43.843.000đ x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 và các Điều 146, 147, 205, 220; 227, 228, 262, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 428, 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*" của nguyên đơn ông Hoàng Hải H, bà Phạm Thị D đối với bị đơn ông Đỗ Ngọc Tr, bà Đậu Thị S.

Buộc ông Đỗ Ngọc Tr, bà Đậu Thị S có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hoàng Hải H, bà Phạm Thị D số tiền 43.843.000đ *(Bốn mươi ba triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng).*

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Hoàng Hải H, bà Phạm Thị D yêu cầu ông Đỗ Ngọc Tr, bà Đậu Thị S phải trả số tiền 9.175.000đ *(Chín triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. *Về án phí*: Buộc ông Đỗ Ngọc Tr, bà Đậu Thị S phải chịu 2.192.150đ *(Hai triệu một trăm chín mươi hai nghìn một trăm năm mươi đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Hoàng Hải H, bà Phạm Thị D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Hòa, bà Dung 1.325.000đ *(Một triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003644 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.

3. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự .

***Nơi nhận**:*
- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Luyện Thanh Sơn